

Số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/01/2020

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
với người mất tích”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC – TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Trọng Hải
- *Hội thẩm nhân dân:*
 - Bà Võ Lệ Huyền
 - Bà Trần Thị Hạnh
- ***Thư Ký phiên tòa:*** Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký tòa án nhân huyện Châu Đức.

- ***Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:***
Bà Ngô Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 544/2019/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn với người mất tích*”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị K, sinh năm: 1980.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 4, thôn SN, xã SN, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu.

Địa chỉ: Tổ 4, thôn SN, xã SN, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Từ Thế A, sinh năm: 1979.

HKTT: Tổ 4, thôn SN, xã SN, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ 4, thôn SN, xã SN, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu. (Vắng mặt theo Quyết định tuyên bố mất tích số 12/2019/QĐST-DS ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/08/2019, biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2019 và các biên bản làm việc khác thì chị Đặng Thị K trình bày:

Chị Đặng Thị K và anh Từ Thế A quen biết tìm hiểu được một thời gian thì tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 12/4/2012 tại UBND xã Xuân Tân,

huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn về sinh sống tại tổ 4, thôn SN, xã SN, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cuộc sống vợ chồng về sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, xích mích, không còn tôn trọng, không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau. Anh A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng không còn tình cảm. Bà K đã cố gắng khuyên giải và hàn gắn lại hạnh phúc gia đình để vợ chồng chung sống lo cho con chung nhưng không đạt kết quả. Đến ngày 21/12/2014, thì anh Từ Thế A bỏ nhà đi cho đến nay. Từ ngày anh A bỏ đi chị K không có tin tức gì của anh A mặc dù gia đình đã nỗ lực tìm kiếm. Khi anh A bỏ đi không thông báo cho gia đình biết đi đâu. Do không tìm kiếm được anh A, chị K đã đến công an xã SN xác nhận anh A bỏ nhà đi từ ngày 21/12/2014. Chị K đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tuyên bố anh A mất tích với lý do để xin ly hôn. Sau khi thụ lý Tòa án đã có thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng như Báo và Đài phát thanh Trung ương nhưng vẫn không thấy tung tích của anh A ở đâu. Ngày 09/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Châu Đức đã ban hành Quyết định số 12/2019/QĐST-DS tuyên bố anh Từ Thế A mất tích.

Kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố anh Từ Thế A mất tích đến nay chị K cũng không thấy anh Từ Thế A xuất hiện vì vậy chị K mới khởi kiện tới Tòa án nhân dân huyện Châu Đức để yêu cầu xin ly hôn với anh Từ Thế A.

Đến nay chị Đặng Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giải quyết cho chị K được ly hôn với anh Từ Thế A.

Về con chung: Chị K và anh A có 01 con là cháu Từ Thế M, sinh ngày 05/01/2013; từ ngày anh A bỏ đi chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Từ Thế A do đã bỏ đi và đã có Quyết định tuyên bố mất tích nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức không thể triệu tập để lấy lời khai và hòa giải được.

Chị Đặng Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị K và anh Từ Thế A sống chung với nhau từ năm 2012 là hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn đúng pháp luật. Hiện nay chị Đặng Thị K đang cư trú tại xã SN, huyện Châu Đức, anh Từ Thế A có nơi cư trú cuối cùng tại tổ 4, thôn SN, xã SN, huyện Châu Đức. Nay chị K có đơn yêu cầu ly hôn căn cứ vào khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

[2] Chị Đặng Thị K và anh Từ Thế A sau khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện và chung sống hạnh phúc được 01 năm 06 tháng, đến ngày 21 tháng 12 năm 2014 anh Thế A đột ngột bỏ đi và không nói rõ lý do, cũng từ đó gia đình không liên lạc được với anh Thế A cho đến nay. Sau khi anh Thế A bỏ đi chị K đã đi tìm mọi cách liên lạc khắp nơi nhưng không đạt kết quả. Do anh Từ Thế A bỏ đi mà không có tin tức gì nên chị Đặng Thị K có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Từ Thế A mất tích với lý do để xin ly hôn. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu tuyên bố mất tích của chị Đặng Thị K đối với anh Từ Thế A. Tòa án đã thông báo tìm kiếm anh Thế A trên thông tin đại chúng nhưng vẫn không có tin tức. Ngày 09/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Châu Đức đã ban hành Quyết định số 12/2019/QĐST-DS tuyên bố anh Từ Thế A mất tích.

Đến nay chị K vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh Thế A. Như vậy cho đến thời điểm này tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh Thế A là không còn, hai người không còn sống chung với nhau nhiều năm, không còn liên lạc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh Thế A bỏ chị K ra đi mà không cùng với chị K lo vun vén để tạo dựng hạnh phúc gia đình. Từ ngày anh Thế A bỏ đi đến nay chị K đã có nhiều cố gắng tìm kiếm anh Thế A. Đồng thời Tòa án cũng đã có thông báo tìm kiếm nhưng không mang lại kết quả, vì vậy cho dù chị K có muốn hàn gắn lại hạnh phúc gia đình cũng không thể đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng dẫn đến cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại và kéo dài.

[3] Áp dụng pháp luật: Căn cứ vào khoản 2, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh Thế A là cơ sở.

[4] Về con chung: Có một con chung là cháu Từ Thế M, sinh ngày 05/01/2013; từ ngày anh Từ Thế A bỏ đi các cháu sống với chị K, nay cháu có nguyện vọng được ở với chị K, chị K yêu cầu nuôi con chung là có căn cứ nghĩ nên chấp nhận. Ghi Nhận sự tự nguyện của của chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị K chịu toàn bộ án phí.

Chị Đặng Thị K có đơn xét xử vắng mặt, anh Từ Thế A đã mất tích nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227, điều 228, 238 BLTTDS xét xử vắng mặt chị K và anh Thế A.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng : Điều 28, điều 35, 39, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, khoản 1 điều 238, điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 68 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 2 điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng : Khoản 8 điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Đặng Thị K đối với anh Từ Thế A trong việc tranh chấp ly hôn với người mất tích.

Về hôn nhân: Chị Đặng Thị K được ly hôn anh Từ Thế A.

Về con chung: Có một con chung là cháu Từ Thế M, sinh ngày 05/01/2013.

Chị Đặng Thị K được tiếp tục nuôi dưỡng một con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đặng Thị K không yêu cầu anh Từ Thế A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án xem xét nên không giải quyết.

Về án phí HNST: Chị Đặng Thị K nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000(ba trăm ngàn) đồng chị Đặng Thị K đã nộp theo biên lai thu số: 0002757 ngày 11/12/2019 của Chi cục thi hành án thi hành án dân sự huyện Châu Đức chị Đặng Thị K đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- CÁC Đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND xã Xuân Tân, ĐN;
- Lưu

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

ĐÀO TRỌNG HẢI